

Phụ lục II
MIỄN CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ THIẾT YẾU, CÓ TÀN SUẤT GIAO DỊCH CAO
(Kèm theo Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ)



ST T	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ	Mức thu áp dụng ưu đãi	Điều kiện để được miễn phí, lệ phí
1	Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (Thông tư số 155/2025/TT- BTC)	Căn cứ Thông tư số 155/2025/TT-BTC mức thu lệ phí cấp chứng nhận đăng ký xe và biển số xe cơ giới quy định như sau: - Cấp đổi: Từ 35.000đ đến 105.000đ. - Cấp tạm thời: Từ 35.000đ đến 105.000đ.	- Đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (1.013079) - Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số (1.013080) - Đăng ký xe tạm thời (1.013086)	0	- Công dân hoàn thành việc tích hợp thành công Giấy chứng nhận đăng ký xe của phương tiện và 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản theo quy định tại Phụ lục I trên ứng dụng VNeID. - Thực hiện đăng ký cấp đổi, cấp lại, đăng ký tạm thời phương tiện giao thông qua dịch vụ công trực tuyến.
2	Lệ phí cấp giấy phép lái xe (Thông tư số 154/2025/TT- BTC)	Căn cứ Thông tư số 154/2025/TT-BTC: Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe (quốc gia và quốc tế): 115.000đ.	- Cấp đổi giấy phép lái xe (3.000347) - Cấp đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của người nước ngoài (3.000351) - Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp (3.000349) - Đổi giấy phép lái xe Công an nhân dân (3.000350) - Cấp lại giấy phép lái xe (3.000348)	0	- Công dân hoàn thành việc tích hợp thành công Giấy phép lái xe và 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản theo quy định tại Phụ lục I trên ứng dụng VNeID. - Thực hiện đăng ký cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe qua dịch vụ công trực tuyến.
3	Lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn	Theo quy định hiện hành (đang áp dụng)	- Cấp đổi thẻ Căn cước (Áp dụng cho các trường hợp: đổi từ thẻ CCCD mã	0	- Công dân sử dụng tài khoản định danh điện tử hoàn thành việc

ST T	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ	Mức thu áp dụng ưu đãi	Điều kiện để được miễn phí, lệ phí
	cước (Thông tư số 73/2024/TT-BTC và Thông tư số 64/2025/TT-BTC)	giảm 50% đến hết 31/12/2026): - Cấp đổi từ thẻ CCCD sang thẻ căn cước: 15.000đ/thẻ (mức gốc 30.000đ). - Cấp đổi (trường hợp khác): 25.000đ/thẻ (mức gốc 50.000đ). - Cấp lại: 35.000đ/thẻ (mức gốc 70.000đ).	<i>vạch/CMND sang thẻ Căn cước; đến độ tuổi phải đổi thẻ theo quy định; thay đổi thông tin trên thẻ; thay đổi nhân dạng; xác định lại giới tính/quê quán; hoặc khi thẻ bị hư hỏng không sử dụng được).</i> - Thủ tục cấp lại thẻ Căn cước (Áp dụng cho trường hợp công dân bị mất thẻ Căn cước hoặc được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định). - Thủ tục cấp đổi thẻ Căn cước cho người nước ngoài gốc Việt Nam (Áp dụng đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam khi có thay đổi thông tin hoặc thẻ hỏng).		tích hợp 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản theo quy định tại Phụ lục I trên ứng dụng VNeID. - Thực hiện đăng ký cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước qua dịch vụ công trực tuyến.
4	Lệ phí đăng ký cư trú (Thông tư số 75/2022/TT-BTC)	Mức thu nộp trực tiếp/nộp trực tuyến: - Đăng ký thường trú: 20.000đ/10.000đ/lần. - Đăng ký, gia hạn tạm trú: 15.000đ/7.000đ/lần. - Đăng ký, gia hạn tạm trú theo danh sách: 10.000đ/5.000đ/người/lần.	- Đăng ký thường trú (1.004222) - Đăng ký, gia hạn tạm trú (1.004194; 1.002755) - Tách hộ (1.010038)	0	- Công dân sử dụng tài khoản định danh điện tử hoàn thành việc tích hợp 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản theo quy định tại Phụ lục I trên ứng dụng VNeID. - Thực hiện đăng ký cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước qua dịch vụ công trực tuyến.

ST T	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ	Mức thu áp dụng ưu đãi	Điều kiện để được miễn phí, lệ phí
		- Tách hộ: 10.000đ/ 5.000đ/lần.			
5	Lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh, tem AB (Thông tư số 64/2025/TT- BTC và Thông tư 28/2026/TT- BTC)	Theo quy định hiện hành (đang áp dụng giảm 50% đến hết 31/12/2026): Theo quy định hiện hành (đang áp dụng giảm 50% theo Thông tư 64/2025/TT-BTC đến hết 31/12/2026, mức gốc theo Thông tư 28/2026/TT-BTC): - Cấp mới hộ chiếu: 100.000đ (mức gốc 200.000đ). - Cấp lại hộ chiếu do hỏng/mất: 200.000đ (mức gốc 400.000đ). - Giấy thông hành: Từ 2.500đ đến 25.000đ (mức gốc từ 5.000đ đến 50.000đ). - Giấy phép xuất cảnh, thẻ ABTC: Từ 5.000đ đến 420.000đ	- Cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước (1.001456) - Cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Campuchia cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (1.001200) - Cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào cho công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú ở tỉnh có chung đường biên giới với Lào (1.012680) - Cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc cho công dân Việt Nam thường trú tại đơn vị hành chính cấp xã tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc (1.003133) - Cấp giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc cho cán bộ, công chức (1.014364) - Cấp mới thẻ ABTC (1.000811) - Cấp lại thẻ ABTC (2.000293)	0	- Công dân hoàn thành việc tích hợp thành công thông tin Hộ chiếu và 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản theo quy định tại Phụ lục I trên ứng dụng VNeID. - Thực hiện đăng ký cấp hộ chiếu, giấy thông hành hoặc thẻ ABTC qua dịch vụ công trực tuyến.

ST T	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ	Mức thu áp dụng ưu đãi	Điều kiện để được miễn phí, lệ phí
		(mức gốc từ 10.000đ đến 840.000đ). - Tem AB: 25.000đ (mức gốc 50.000đ).			
6	Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (Thông tư số 16/2025/TT- BTC)	Theo quy định hiện hành (áp dụng từ 01/01/2026): - Mức thông thường: 200.000đ/lần/người. - Đối với học sinh (từ đủ 16 tuổi trở lên), sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ, người có công nuôi liệt sỹ: 100.000đ/lần/người.	- Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài (3.000333) - Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú; người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam (3.000330)	0	- Công dân hoàn thành việc tích hợp thành công thông tin lý lịch tư pháp và 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản theo quy định tại Phụ lục I trên ứng dụng VNeID. - Thực hiện đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ công trực tuyến.
7	Phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch (Thông tư số 281/2016/TT- BTC)	8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh (2.000635)	0	- Công dân sử dụng tài khoản định danh điện tử, hoàn thành việc tích hợp thành công 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản quy định tại Phụ lục I. - Thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.
8	Lệ phí hộ tịch trong nước	Do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định	- Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (1.004772)	0	Công dân sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2, thực hiện

ST T	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ	Mức thu áp dụng ưu đãi	Điều kiện để được miễn phí, lệ phí
	(Thông tư số 106/2021/TT-BTC sửa đổi Thông tư số 85/2019/TT-BTC)	căn cứ điều kiện thực tế của địa phương quy định mức thu đối với các khoản lệ phí sau: (1) Đăng ký lại khai sinh. (2) Đăng ký lại kết hôn. (3) Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.	- Thủ tục đăng ký lại kết hôn (1.004746) - Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (1.004873)		nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến và đáp ứng các điều kiện sau: - Đối với thủ tục đăng ký khai sinh: Đã tích hợp thành công 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản trên ứng dụng VNeID theo quy định tại Phụ lục I. - Đối với thủ tục đăng ký lại kết hôn và cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: Đã tích hợp thành công trên ứng dụng VNeID thông tin Giấy đăng ký kết hôn và 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản theo quy định tại Phụ lục I.
9	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Thông tư số 106/2021/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số	Do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ quy mô diện tích của thửa đất, tính chất phức tạp của từng loại hồ sơ, mục đích sử dụng đất và điều kiện cụ thể của địa phương đối với các công việc:	- Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất đồng thời với nhận thừa kế, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất (1.014425) - Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất đồng thời với xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất (1.014426)	0	- Công dân hoàn thành việc tích hợp thành công thông tin chứng nhận quyền sử dụng đất và 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản theo quy định tại Phụ lục I trên ứng dụng VNeID. - Thực hiện đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận hoặc đăng ký biến động đất đai qua dịch vụ công trực tuyến.

ST T	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ	Mức thu áp dụng ưu đãi	Điều kiện để được miễn phí, lệ phí
	85/2019/TT- BTC)	- Cấp đổi, cấp lại. - Chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp.	- Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên. (1.013833)		
10	Phí khai thác, cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT và Thông tư số 106/2021/TT-BTC sửa đổi Thông tư số 85/2019/TT-BTC)	Do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương.	- Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (3.000465) - Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (3.000466) - Cấp lại văn bằng, chứng chỉ (2.002850)	0	- Công dân hoàn thành việc tích hợp thành công thông tin văn bằng, chứng chỉ và 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản theo quy định tại Phụ lục I trên ứng dụng VNeID. - Thực hiện đăng ký cấp bản sao, chỉnh sửa hoặc cấp lại văn bằng, chứng chỉ qua dịch vụ công trực tuyến.